

KẾ HOẠCH
Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng ban hành Kế hoạch Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU HỆ THỐNG HÓA

1. Mục đích

- Nhằm công bố Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực tính đến hết ngày 31/12/2023 và các danh mục văn bản thể hiện kết quả hệ thống hóa kỳ 2019-2023 theo quy định.
- Thông qua việc công bố kết quả hệ thống hóa giúp cho công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật được hiệu quả, thuận tiện, tăng cường tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.
- Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời gian, tiến độ hoàn thành và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản.
- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản.

2. Yêu cầu

- Tập hợp đầy đủ văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa và kết quả rà soát văn bản kỳ 2019-2023.
- Tuân thủ trình tự thực hiện hệ thống hóa theo quy định tại Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).
- Kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực và các danh mục văn bản thể hiện kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023.
- Phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện hệ thống hóa; bảo đảm bố trí các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện hệ thống hóa văn bản.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN

1. Đối tượng hệ thống hóa

Được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), bao gồm: Các văn bản trong Tập hệ thống hóa văn bản của kỳ hệ thống hóa 2014 - 2018 và các văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa văn bản 2019 - 2023 (gồm cả văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa văn bản 2019 - 2023 nhưng chưa có hiệu lực).

Các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác ngoài hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được ban hành trước ngày Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có hiệu lực (trước ngày 01/7/2016) và còn hiệu lực tính đến hết ngày 31/12/2023 cũng thuộc đối tượng hệ thống hóa của kỳ 2019 - 2023 (như Chỉ thị của UBND).

2. Phạm vi hệ thống hóa

Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến hết ngày 31/12/2023 thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản của UBND theo quy định.

Trong trường hợp giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính thì UBND của đơn vị hành chính mới có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND của đơn vị hành chính trước đó ban hành.

III. NỘI DUNG, THỜI GIAN, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Tập hợp các văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa và kết quả rà soát các văn bản để hệ thống hóa

a) Cơ quan chủ trì: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND; cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo tham mưu HĐND, UBND ban hành văn bản quy phạm pháp luật (gọi chung là cơ quan thực hiện hệ thống hóa).

b) Cơ quan phối hợp: Ban pháp chế Hội đồng nhân dân, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch và các cơ quan liên quan.

c) Thời gian hoàn thành: Chậm nhất ngày **30/5/2023**, tiếp tục được cập nhật đến hết ngày **31/12/2023**.

2. Tổng hợp, kiểm tra, lại kết quả rà soát văn bản và rà soát bổ sung

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp-Hộ tịch.

b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan thực hiện hệ thống hóa.

c) Thời gian hoàn thành: Các cơ quan thực hiện hệ thống hóa gửi kết quả về Sở Tư pháp **chậm nhất ngày 30/6/2023** và tiếp tục cập nhật đến hết ngày

31/12/2023 (gửi kết quả tổng hợp cho các cơ quan chủ trì chậm nhất ngày **31/01/2024**).

2. Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản

- a) Cơ quan công bố: UBND các cấp.
- b) Cơ quan tham mưu: Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch.
- c) Thời gian hoàn thành: Chậm nhất là ngày **01/3/2024**.

3. Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản

a) Báo cáo Bộ Tư pháp

- Cơ quan báo cáo: UBND tỉnh.
- Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.
- Thời gian báo cáo: Chậm nhất là ngày **20/3/2024**.

b) Báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp)

- Cơ quan báo cáo: UBND cấp huyện.
- Cơ quan chủ trì tham mưu: Phòng Tư pháp.
- Thời gian báo cáo: Chậm nhất là ngày **15/3/2024**.

c) Báo cáo UBND cấp huyện

- Cơ quan báo cáo: UBND cấp xã.
- Cơ quan tham mưu: Công chức Tư pháp - Hộ tịch.
- Thời gian báo cáo: Chậm nhất là ngày **10/3/2024**.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán giao hàng năm, theo phân cấp hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Chủ trì, làm đầu mối tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản thuộc trách nhiệm nhiệm rà soát, hệ thống hóa của UBND tỉnh.

a) Theo dõi việc triển khai, thực hiện Kế hoạch này; đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật; UBND cấp huyện thực hiện hệ thống hóa văn bản kỳ 2019 - 2023.

b) Tổng hợp, rà soát, kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản, trình UBND tỉnh công bố theo quy định.

c) Xây dựng dự thảo Báo cáo Bộ Tư pháp về kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2019 - 2023, trình UBND tỉnh.

2. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND; cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo tham mưu HĐND, UBND ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện hệ thống hóa văn bản của HĐND, UBND tỉnh có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại mục 5 Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

b) Phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện hệ thống hóa văn bản.

c) Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

d) Bố trí biên chế, kinh phí và các điều kiện bảo đảm khác để thực hiện tốt công tác hệ thống hóa văn bản.

3. Đề nghị Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, phối hợp và tạo điều kiện để các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện hệ thống hóa văn bản.

4. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố

a) Trên cơ sở Kế hoạch này, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023 tại địa phương.

b) Tổ chức triển khai thực hiện công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại mục 5 Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), Kế hoạch này và các văn bản có liên quan.

c) Bố trí biên chế, kinh phí và các điều kiện bảo đảm khác để thực hiện tốt công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

d) Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để UBND cấp xã thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu tại Kế hoạch này; phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong quá trình thực hiện.

đ) Báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) về kết quả hệ thống hóa văn bản.

5. Trách nhiệm của UBND các xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức triển khai thực hiện công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại mục 5 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi,

bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), Kế hoạch này và các văn bản có liên quan.

b) Báo cáo UBND cấp huyện về kết quả hệ thống hóa văn bản.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./. *ll*

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT;
- Các sở, ban, ngành;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trang Thông tin PBGDPL tỉnh;
- Lưu: VT, NC. *ll*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh